

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày: 02 - 3 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Kim Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 208/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Mai Văn V, sinh năm 1994, tại Long An;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn H, sinh năm 1970 (sống) và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1972 (sống); Anh chị em ruột: có 01 người em sinh năm 2000; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2021 cho đến nay, (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ô5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh L; có mặt.

2. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 63/8A H, phường 5, quận T, Thành phố H; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ô4 khu A thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L; vắng mặt.

4. Bà Thi Thị Thanh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh L; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05 tháng 11 năm 2021, Mai Văn V do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên V đi bộ từ xã Hòa Khánh Tây về hướng thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến Ô 3, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, V nhìn thấy xe mô tô biển số 52P6-0282 của bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L dựng không người trong coi, chìa khóa công tắc gắn sẵn trên xe, nên lén lút trộm cắp chiếm đoạt xe mô tô này, điều khiển về nhà cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 06 tháng 11 năm 2021, V tháo biển số 52P6-0282 cất giấu tại nhà, rồi đem xe mô tô trộm cắp được bán cho người đàn ông tên Duy, không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 3.000.000 đồng, Duy đưa trước cho V 1.000.000 đồng và kêu V đem xe mô tô này gửi tại nhà của ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1986, nơi cư trú: ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh L. Qua tố cáo của bà Vân Anh, đến 16 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2021, V đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 116/KL.ĐGTS ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: xe mô tô biển số 52P6-0282, của bà Vân Anh bị mất trộm có trị giá thành tiền là 9.495.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSĐH ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Mai Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Mai Văn V hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về số tiền 1.000.000 đồng do việc bán xe mô tô 52P6-0282, bị cáo tự nguyện nộp lại.

Bị hại bà Nguyễn Thị Vân A trình bày tại Cơ quan điều tra và trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 05/11/2021, tại Ô 3, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, bà có bị trộm 01 xe mô tô biển số 52P6-0282. Nay bà đã nhận lại tài sản bị trộm nên không có yêu cầu gì khác trong vụ án ngoài ra bà có đơn đề ngày 24/01/2022 đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Văn B trình bày: Do V là người ở gần nhà ông nên bị cáo V có gọi điện cho ông nói cho V gửi một xe mô tô nên ông đồng ý cho V gửi xe tại nhà ông. Ông hoàn toàn không biết là xe mô tô này do V trộm được mà có, nếu biết xe này V trộm được thì ông sẽ không cho V gửi. Ông xác định người gọi điện cho ông nhờ gửi xe là bị cáo V tại phiên tòa ngày hôm nay. Còn đối tượng tên Duy ông không có quen biết cũng không biết nhà của của Duy ở đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu: Lời khai nhận tội của các bị cáo Mai Văn V phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 05/11/2021, các bị cáo Mai Văn V có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Vân A 01 xe mô tô biển số 52P6-0282, có giá trị thành tiền là 9.495.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Mai Văn V theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như sau: Về tình tiết tăng nặng: không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo V có tiết thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đầu thú. Nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cho bị cáo V.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Mai Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”, Xử phạt bị cáo Mai Văn V mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về tang vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xe mô tô biển số 52P6-0282 do bà Nguyễn Thị Vân A quản lý, sử dụng và bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà A xong, theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/11/2021 nên không đề cập xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính mà có từ việc bị cáo V có được do bán xe mô tô biển số 52P6-0282 cho đối tượng tên Duy. Tại phiên Tòa bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Vân A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại bà Nguyễn Thị Vân A (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Văn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 07/11/2021, bản ảnh xác định địa điểm, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 116/KL.ĐGTS ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại Ô 3, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, lợi dụng sơ hở của chủ tài sản bà Nguyễn Thị Vân A bị cáo Mai Văn V đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Vân Anh một xe mô tô biển số 52P6-0282 trị giá thành tiền là 9.495.000đồng. Sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội bị cáo V đến cơ quan công an đầu thú. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo Mai Văn V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo V theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo V đã lén lút chiếm đoạt tài sản là một xe mô tô biển số 52P6-0282 của bà Nguyễn Thị Vân A là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội

của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Vân A, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo Mai Văn V có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Mai Văn V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi thực hiện xong hành vi phạm tội bị cáo đầu thú. Do đó, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cho bị cáo V.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo Mai Văn V là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

- Xe mô tô biển số 52P6-0282, do ông Phạm Văn N, sinh năm: 1954, nơi cư trú: 63/8A H, Phường 5, quận T, Thành phố Hững tên giấy chứng nhận đăng ký. Tháng 10 năm 2011, ông Năm bán xe mô tô này cho bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, nhưng không làm thủ tục sang tên. Sau đó, bà Đa giao xe mô tô này cho bà Nguyễn Thị Vân A quản lý, sử dụng và bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà A theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/11/2021 là phù hợp nên không đề cập, xem xét.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.000.000đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính mà có từ việc bị cáo V có được do bán xe mô tô biển số 52P6-0282 cho đối tượng tên D. Tại phiên Tòa bị cáo Mai Văn V tự nguyện nộp lại số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Vân A đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 52P6-0282 không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[8]. Đối với một người đàn ông tên D có hành vi mua xe mô tô biển số 52P6-0282 của bị cáo Mai Văn V. Hành vi này có dấu hiệu của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do không xác định được nhân thân lai lịch của người này và chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo V. Cơ quan điều tra cũng

tiến hành xác minh thông tin đối với đối tượng tên D nhưng không xác định được. Vì vậy đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Mai Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2021.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Văn V 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) sau khi tuyên án (ngày 02/3/2022) để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Mai Văn V nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.00.000 đồng (một triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước. Bị cáo Mai Văn V chưa nộp.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Mai Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Mai Văn V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành